

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 23 – 5 – 2024  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Yên Ly**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Thanh Tuấn**

2. Ông **Trần Văn Phước**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Cao Thị T**, sinh năm 1986. Nơi thường trú: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Nơi ở hiện tại: ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Thanh T1**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh T1 tự nguyện sống chung từ năm 2004, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng

nhận kết hôn ngày 05/01/2017. Chị và anh T1 đã ly thân từ khoảng năm 2021 đến nay do vợ chồng sống chung không hợp nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 người con chung là Lê Văn Đ, sinh ngày 01/01/2005 và Lê Huyền T2, sinh ngày 29/9/2010, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, đối với con chung là Lê Văn Đ đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lê Huyền T2 và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Lê Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị T được ly hôn với anh T1.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Huyền T2, sinh ngày 29/9/2010 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc và giáo dục. Anh T3 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

+ Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T3, anh T3 đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị T và anh T3 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh T3 tự nguyện sống chung từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa chị T và anh T3 là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị T và anh T3 đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị T và anh T3 không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T3 không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, như vậy anh T3 đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị T và anh T3 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T3.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do chị T cung cấp và lời khai của chị T thì chị T và anh T3 có hai người con chung là Lê Văn Đ, sinh ngày 01/01/2005 và Lê Huyền T2, sinh ngày 29/9/2010, hiện đang sống chung với chị T. Đối với cháu Lê Văn Đ đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Huyền T2. Anh T3 đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị T nhưng anh T3 không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị T. Xét thấy, cháu T2 sống cùng với chị T từ khi ly thân đến nay, hiện cháu phát triển tốt, chị T có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 15/4/2024 cháu T2 có nguyện vọng sống cùng với chị T. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu T2, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao cháu Lê Huyền T2, sinh ngày 29/9/2010 cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T3 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh T3 không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Cao Thị T ly hôn anh Lê Thanh T1.

2. Về con chung: Đối với cháu Lê Văn Đ, sinh ngày 01/01/2005 đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

Giao cháu Lê Huyền T2, sinh ngày 29/9/2010 cho chị Cao Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Thanh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị T đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006733 ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí. Anh Lê Thanh T1 không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yến Ly**